



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 22
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty xổ số kiến thiết thuộc UBND tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 của UBND tỉnh Hậu Giang và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 1800545163 ngày 20/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hữu Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Bình	Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Lê Văn Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang

Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Lãnh đạo

Nguyễn Thái Bình

Giám đốc

Hậu Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được lập ngày 10 tháng 01 năm 2023, từ trang 5 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Hoàng Đức Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	1/1/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		766.132.700.973	461.250.815.574
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	249.737.806.818	134.631.157.176
111	1. Tiền		189.675.478.051	124.631.157.176
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.062.328.767	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	261.922.411.857	166.178.652.931
121	1. Đầu tư ngắn hạn		261.922.411.857	166.178.652.931
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		242.242.047.645	149.918.737.157
131	1. Phải thu của khách hàng	5	196.521.454.980	99.312.559.991
132	2. Trả trước cho người bán	6	36.335.969.020	33.888.733.180
135	3. Các khoản phải thu khác	7	9.434.503.675	16.767.324.016
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(49.880.030)	(49.880.030)
140	IV. Hàng tồn kho	8	7.329.784.633	5.052.643.654
141	1. Hàng tồn kho		7.329.784.633	5.052.643.654
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.900.650.020	5.469.624.656
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.900.650.020	5.469.624.656
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		108.538.044.964	115.011.602.530
220	I. Tài sản cố định		105.087.919.532	108.925.591.666
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	55.331.898.206	59.139.416.524
222	- Nguyên giá		78.514.415.654	76.934.243.649
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.182.517.448)	(17.794.827.125)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	48.928.484.962	49.497.629.146
228	- Nguyên giá		50.184.165.192	50.184.165.192
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.255.680.230)	(686.536.046)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	827.536.364	288.545.996
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.600.000.000	2.600.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.600.000.000	2.600.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		850.125.432	3.486.010.864
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	850.125.432	3.486.010.864
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		874.670.745.937	576.262.418.104


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	1/1/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		414.670.745.937	176.262.418.104
310	I. Nợ ngắn hạn		414.670.745.937	176.262.418.104
312	1. Phải trả người bán		145.279.600	913.779.000
313	2. Người mua trả tiền trước		5.927.500	246.433.800
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	371.079.870.684	171.843.819.099
315	4. Phải trả người lao động		6.748.928.658	71.710.195
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	1.927.386.000	-
321	6. Dự phòng rủi ro trả thưởng	15	28.890.000.000	-
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.873.353.495	3.186.676.010
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		460.000.000.000	400.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	460.000.000.000	400.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		60.000.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		874.670.745.937	576.262.418.104

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2022	1/1/2022
		VND	VND
1. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		370.057.921.703	312.182.229.975
2. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		120.000.000.000	110.000.000.000


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	4.167.311.958.268	2.349.807.714.215
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xô số		4.166.674.518.197	2.349.143.354.527
01.1.1	1.1.1. Xô số truyền thống		4.166.674.518.197	2.349.143.354.527
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		637.440.071	664.359.688
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	543.479.284.996	306.410.002.806
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xô số		543.479.284.996	306.410.002.806
02.1.1	2.1.1. Xô số truyền thống		543.479.284.996	306.410.002.806
10	3. Doanh thu thuần		3.623.832.673.272	2.043.397.711.409
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xô số		3.623.195.233.201	2.042.733.351.721
10.1.1	3.1.1. Xô số truyền thống		3.623.195.233.201	2.042.733.351.721
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		637.440.071	664.359.688
11	4. Chi phí kinh doanh	20	2.932.997.548.752	1.668.736.903.238
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xô số		2.932.997.548.752	1.668.736.903.238
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thường		2.151.704.300.000	1.230.245.497.242
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xô số		781.293.248.752	438.491.405.996
20	5. Lợi nhuận gộp		690.835.124.520	374.660.808.171
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xô số		690.197.684.449	373.996.448.483
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		637.440.071	664.359.688
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.320.276.081	12.992.908.559
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	264.577.143.135	168.598.373.710
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		439.578.257.466	219.055.343.020
31	11. Thu nhập khác	23	1.636.364	497.754.545
40	13. Lợi nhuận khác		1.636.364	497.754.545
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		439.579.893.830	219.553.097.565
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	88.134.384.940	44.249.463.999
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		351.445.508.890	175.303.633.566


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	3.799.086.581.211	2.219.589.038.207
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(2.311.484.303.902)	(1.413.492.780.101)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(52.426.738.215)	(37.769.780.210)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(66.249.463.999)	(48.424.632.171)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	219.230.307.831	139.430.929.871
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.218.111.523.313)	(771.211.613.926)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	370.044.859.613	88.121.161.670
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.893.975.673)	(2.531.278.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	495.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(290.000.000.000)	(220.821.038.443)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	198.478.995.067	377.110.502.156
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.400.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.341.377.497	20.403.247.684
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(86.073.603.109)	177.056.887.851
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(168.864.606.862)	(279.828.917.778)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính.	(168.864.606.862)	(279.828.917.778)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	115.106.649.642	(14.650.868.257)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	134.631.157.176	149.282.025.433
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 249.737.806.818	134.631.157.176

Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu

Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty xổ số kiến thiết thuộc UBND tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 của UBND tỉnh Hậu Giang và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 1800545163

Trụ sở chính của Công ty: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 113 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 112 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, do dịch Covid cơ bản đã được kiểm soát nên Công ty hoạt động kinh doanh bình thường, không bị dừng kỳ vé nào dẫn đến doanh thu năm 2022 tăng so với năm 2021 (năm 2021 bị dừng 15 kỳ vé do dịch Covid).

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian-trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

· Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05	năm
- Cây lâu năm	06	năm
- Các tài sản khác	04	năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn	
- Phần mềm kế toán	02	năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Dự phòng rủi ro trả thường

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thường là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thường thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: $DPtt = DT \times TLkh - TTtt$

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

2.13 .Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.14 .Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 .Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.16 .Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quý tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quý tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	27.002.825.174	6.742.403.400
Tiền gửi ngân hàng	162.672.652.877	117.888.753.776
Các khoản tương đương tiền (*)	60.062.328.767	10.000.000.000
	<u>249.737.806.818</u>	<u>134.631.157.176</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6,0%/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2022
	VND
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hậu Giang	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
- Chi nhánh Cái Răng	5.062.328.767
	<u>60.062.328.767</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	261.922.411.857	166.178.652.931
	<u>261.922.411.857</u>	<u>166.178.652.931</u>

Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2022 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3%/năm đến 7,4%/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2022
	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	50.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	11.922.411.857
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hậu Giang	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	20.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Sài Gòn	10.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hậu Giang	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Ô Môn	10.000.000.000
	<u>261.922.411.857</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư dài hạn

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá Gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá Gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Đầu tư vào công ty liên kết						
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	2.600.000.000	-	40,00	2.600.000.000	-	40,00
	<u>2.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>40,00</u>	<u>2.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>40,00</u>

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
- Đại lý Thái Phước Đại	16.535.543.000	-	7.771.065.500	-
- Đại lý Nguyễn Hoàng Anh	13.323.673.500	-	10.288.892.777	-
- Đại lý Mai Hữu Ảnh	11.672.242.500	-	8.457.061.025	-
- Phải thu đại lý khác	154.989.995.980	(49.880.030)	72.795.540.689	(49.880.030)
	<u>196.521.454.980</u>	<u>(49.880.030)</u>	<u>99.312.559.991</u>	<u>(49.880.030)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	31.536.000.000	30.554.700.000
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Phát Minh	3.175.886.100	-
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hậu Giang	-	434.000.000
- Các đối tượng khác	1.624.082.920	2.900.033.180
	<u>36.335.969.020</u>	<u>33.888.733.180</u>

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Lãi dự thu tiền gửi	7.584.732.093	5.828.587.502
- Tạm ứng	153.771.982	229.628.644
- Các khoản tài trợ trong năm chưa có đủ hồ sơ	-	10.328.365.045
- Thuế TNCN đại lý vé số	1.694.109.100	380.742.825
- Phải thu khác	1.890.500	-
	<u>9.434.503.675</u>	<u>16.767.324.016</u>

Mẫu B09 - XS

8 . HÀNG TỒN KHO		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
- Hàng hóa biếu tặng		4.973.420.997	5.052.643.654
- Vé xổ số		2.356.363.636	-
		7.329.784.633	5.052.643.654
9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
- Mua sắm		827.536.364	-
- Công trình trụ sở Công ty		-	288.545.996
		827.536.364	288.545.996
10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH			
Xem chi tiết Phụ lục 01.			
11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH			
	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	49.639.915.192	544.250.000	50.184.165.192
Số dư cuối năm	49.639.915.192	544.250.000	50.184.165.192
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	142.286.046	544.250.000	686.536.046
- <i>Khấu hao trong năm</i>	569.144.184	-	569.144.184
Số dư cuối năm	711.430.230	544.250.000	1.255.680.230
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	49.497.629.146	-	49.497.629.146
Tại ngày cuối năm	48.928.484.962	-	48.928.484.962
(*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:			
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 125B Trần Bình Trọng, Phường 2, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng là để làm trạm thanh hủy và phát hành vé số.			
- Quyền sử dụng đất tại nhà số 606 (138 cũ), đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ gồm 3 thửa: 1 thửa đất lâu dài, 2 thửa đất có thời hạn. Mục đích sử dụng là để làm văn phòng đại diện.			
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại nhà số 151, đường 3 tháng 2, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Mục đích sử dụng là để làm trụ sở Công ty.			
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 544.250.000 VND.			
12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
a. Ngắn hạn			
- Công cụ dụng cụ		144.072.256	1.290.854.004
- Chi phí quảng cáo hoạt động xổ số kiến thiết		3.613.249.369	4.178.770.652
- Chi phí sửa chữa văn phòng		1.143.328.395	-
		4.900.650.020	5.469.624.656
b. Dài hạn			
- Công cụ dụng cụ		850.125.432	3.486.010.864
		850.125.432	3.486.010.864

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Phải trả phí uỷ quyền trả thưởng	1.774.522.000	-
- Các khoản khác	152.864.000	-
	1.927.386.000	-

15 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Dự phòng rủi ro trả thưởng đầu năm	-	41.270.002.758
- Trích lập bổ sung trong năm	28.890.000.000	-
- Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(41.270.002.758)
	28.890.000.000	-

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	175.303.633.566	175.303.633.566
Trích lập các quỹ	-	-	(7.389.026.704)	(7.389.026.704)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	-	(167.914.606.862)	(167.914.606.862)
Số dư cuối năm trước	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	351.445.508.890	351.445.508.890
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	(12.208.847.754)	(12.208.847.754)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách (ii)	-	-	(279.236.661.136)	(279.236.661.136)
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	60.000.000.000	-	460.000.000.000

(i) Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ theo Công văn số 8426/VPCP-KHTH ngày 15/12/2022 của Văn phòng Chính phủ.

(ii) Công ty trích lập các quỹ trong năm và nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	400.000.000.000	100,00	400.000.000.000	100,00
	<u>400.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>400.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

17 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất và trả tiền thuê theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích(m ²)
Vị trí 1 Thửa đất số 18,19; tờ bản đồ số: 19, khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Hợp đồng số 1636/HĐTĐ ngày 03/05/2018	Làm trụ sở Công ty	50 năm	124,7

18 . DOANH THU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	4.166.674.518.197	2.349.143.354.527
Doanh thu khác	637.440.071	664.359.688
	<u>4.167.311.958.268</u>	<u>2.349.807.714.215</u>

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	543.479.284.996	306.410.002.806
	<u>543.479.284.996</u>	<u>306.410.002.806</u>

20 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí kinh doanh xổ số	2.932.997.548.752	1.668.736.903.238
- Chi phí trả thường	2.151.704.300.000	1.230.245.497.242
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	781.293.248.752	438.491.405.996
	<u>2.932.997.548.752</u>	<u>1.668.736.903.238</u>

20 . CHI PHÍ KINH DOANH (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Chi phí cho các đại lý	691.131.304.900	390.336.414.300
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	687.501.295.500	387.608.653.500
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	3.630.009.400	2.727.760.800
2. Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.876.987.033	2.442.569.085
3. Chi phí chống số đề	226.275.000	-
4. Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	28.890.000.000	-
5. Chi phí vé xổ số	54.802.000.000	42.113.999.883
6. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	3.306.681.819	2.716.954.546
7. Chi phí đóng góp cho Hội đồng XSKT khu vực	60.000.000	-
8. Chi phí trực tiếp phát hành khác	-	881.468.182
	781.293.248.752	438.491.405.996

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	12.306.864.949	12.992.908.559
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.013.411.132	-
	13.320.276.081	12.992.908.559
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 26)	1.013.411.132	-

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.395.039.760	2.236.108.648
Chi phí nhân công	59.256.820.678	37.580.413.813
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	564.010.430	551.522.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.956.834.507	2.914.573.593
Thuế, phí, và lệ phí	357.588.159	238.579.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.323.803.685	1.288.270.866
Chi phí tài trợ	98.285.663.431	66.439.874.874
Chi phí quảng cáo	82.643.230.726	36.177.027.458
Chi phí khác bằng tiền	10.794.151.759	21.172.002.906
	264.577.143.135	168.598.373.710

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	495.454.545
Thu nhập khác	1.636.364	2.300.000
	1.636.364	497.754.545

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	439.579.893.830	219.553.097.565
Các khoản điều chỉnh tăng	2.105.442.000	1.694.222.433
- Chi phí không được trừ	2.105.442.000	1.694.222.433
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.013.411.132)	-
- Lợi nhuận được chia	(1.013.411.132)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	440.671.924.698	221.247.319.998
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	88.134.384.940	44.249.463.999
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.249.463.999	10.424.632.171
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(66.249.463.999)	(48.424.632.171)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	28.134.384.940	6.249.463.999

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày đầu năm, kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	3.605.787.037	3.159.090.909
Lợi nhuận được chia		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	1.013.411.132	-

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Hoàng Thăng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thái Bình
Giám đốc



Hậu Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	51.482.718.079	3.813.977.681	9.861.672.620	11.080.179.815	373.900.000	321.795.454	76.934.243.649
Số tăng trong năm	1.220.172.005	360.000.000	-	-	-	-	1.580.172.005
- Mua trong năm	-	360.000.000	-	-	-	-	360.000.000
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	1.220.172.005	-	-	-	-	-	1.220.172.005
Số dư cuối năm	52.702.890.084	4.173.977.681	9.861.672.620	11.080.179.815	373.900.000	321.795.454	78.514.415.654
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	6.195.466.263	1.110.268.793	5.856.482.157	4.447.928.464	93.475.008	91.206.440	17.794.827.125
Số tăng trong năm	2.300.448.772	423.937.632	967.230.495	1.553.307.888	62.316.672	80.448.864	5.387.690.323
- Khấu hao trong năm	2.300.448.772	423.937.632	967.230.495	1.553.307.888	62.316.672	80.448.864	5.387.690.323
Số dư cuối năm	8.495.915.035	1.534.206.425	6.823.712.652	6.001.236.352	155.791.680	171.655.304	23.182.517.448
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	45.287.251.816	2.703.708.888	4.005.190.463	6.632.251.351	280.424.992	230.589.014	59.139.416.524
Tại ngày cuối năm	44.206.975.049	2.639.771.256	3.037.959.968	5.078.943.463	218.108.320	150.140.150	55.331.898.206

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 11.081.208.555 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Trong năm		31/12/2022
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	17.928.718.368	408.669.766.147	383.701.596.818	42.896.887.697
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	22.919.843.520	543.479.284.996	509.894.271.936	56.504.856.580
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.249.463.999	88.134.384.940	66.249.463.999	28.134.384.940
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	118.864.606.862	279.236.661.136	168.864.606.862	229.236.661.136
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	1.582.778.160	4.836.814.412	2.680.758.162	3.738.834.410
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý	44.468.190	34.233.190.431	32.250.812.700	2.026.845.921
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	4.250.640.000	113.205.720.000	108.917.860.000	8.538.500.000
- Thuế Thu nhập cá nhân Hội đồng giám sát	3.300.000	59.900.000	60.300.000	2.900.000
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	37.601.587	37.601.587	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	171.843.819.099	1.471.896.323.649	1.272.660.272.064	371.079.870.684

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

